TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2020
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Quốc Thanh

Ông Dương Ánh Minh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 201/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc "*ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 31/7/2020. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Ngọc NĐ, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp TL 2, xã TTB, huyện MC, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Phan Minh BĐ, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp TH 1, xã TTB, huyện MC, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc NĐ trình bày: do quen biết, tìm hiểu, chị và anh Phan Minh BĐ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại nhà riêng của anh BĐ tại ấp TH 1, xã TTB, huyện MC. Chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ khi chị mang thai thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Nguyên nhân là do anh BĐ không quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc chị, khi chị sinh con thì mâu thuẫn càng trầm trọng, chị đã đưa con về nhà mẹ ruột sống đến nay khoảng 15 tháng. Anh chị đã ly

thân đến nay hơn 01 năm và nay không thể sống chung với nhau được nữa, không còn tình cảm nên chị NĐ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh BĐ.

Về con chung: chị và anh BĐ có 01 con chung tên Phan Minh NC, sinh ngày 01/11/2018 hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nghề nghiệp của chị là hộ sinh và đang làm việc tại Trung tâm Y tế huyện MC, tỉnh Bến Tre, tiền lương mỗi tháng 5.500.000 đồng nên đủ khản năng nuôi con. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của con, khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu NC, yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: chị xác định giữa chị và anh BĐ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Minh BĐ trình bày*: anh thống nhất với chị NĐ về điều kiện, thời gian kết hôn. Về tình trạng hôn nhân thì giữa anh chị chỉ có một vài mâu thuẫn nhưng chị NĐ đã tự ý đưa con về nhà mẹ ruột không thông báo cho anh nên anh không thăm cũng không rước vợ con về. Nay anh còn thương vợ nhưng nếu chị NĐ cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị NĐ.

Anh và chị NĐ có 01 con chung tên Phan Minh NC, sinh ngày 01/11/2018 hiện do chị NĐ trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý để chị NĐ tiếp tục trực tiếp nuôi con vì con dưới 36 tháng tuổi. Tuy nhiên, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì anh không đuổi vợ con đi, nếu vợ con về thì anh vẫn nuôi, nếu chị NĐ không nuôi con được thì giao con cho anh nuôi, anh không yêu cầu cấp dưỡng. Nghề nghiệp hiện tại của anh là hướng dẫn viên du lịch, thu nhập mỗi tháng từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nên đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh xác định giữa anh và chị NĐ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, thấy rằng chị NĐ và anh BĐ thuận tình ly hôn nên căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc NĐ và anh Phan Minh BĐ. Về nuôi con chung, chị NĐ và anh BĐ có 01 con chung là cháu Phan Minh NC, sinh ngày 01/11/2018 hiện do chị NĐ trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu NC về mặt tinh thần và thể chất, đề nghị Tòa án cho chị NĐ được tiếp tục nuôi con, buộc anh BĐ phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị NĐ và anh BĐ trong cùng vụ án do các đương sự không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Xét thấy bị đơn Phan Minh BĐ xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh BĐ.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ngọc NĐ đối với anh Phan Minh NC, thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc NĐ và anh Phan Minh BĐ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị NĐ xác định mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh BĐ không quan tâm, chăm sóc vợ con. Anh BĐ cho rằng giữa vợ chồng chỉ có vài mâu thuẫn nhưng do chị NĐ tự ý đưa con về nhà mẹ ruột không báo cho anh nên anh không đến thăm, rước vợ con về. Do không còn tình cảm, không thể sống với nhau được nữa nên chị NĐ yêu cầu ly hôn với anh BĐ, anh BĐ đồng ý ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] Về nuôi con chung: anh BĐ và chị NĐ có 01 con chung là Phan Minh NC, sinh ngày 01/11/2018 hiện do chị NĐ trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị NĐ yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu NC, yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh BĐ đồng ý để chị NĐ được tiếp tục nuôi con nhưng anh không cấp dưỡng vì chị NĐ đã tự đưa con bỏ đi khi chưa được anh đồng ý, nếu chị NĐ không nuôi con được thì giao con cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị NĐ cấp dưỡng. Thấy rằng cả chị NĐ và anh BĐ đều có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Tuy nhiên, cháu Phan Minh NC hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, các đương sự cũng thừa nhận từ khi chị NĐ và anh BĐ ly thân, cháu NC do chị NĐ trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu NC, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần tiếp tục giao cháu NC cho chị NĐ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh BĐ không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Trên cơ sở cân nhắc mức sống tại địa phương, quy định của pháp luật và xem xét về khả năng kinh tế của anh BĐ, cần buộc anh BĐ phải cấp dưỡng nuôi cháu Phan Minh NC mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu NC đủ 18 tuổi theo yêu cầu của chị NĐ.

[4] Về tài sản chung và về nợ chung: chị NĐ và anh BĐ xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị Ngọc NĐ là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Án phí cấp dưỡng: anh Phan Minh BĐ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu 300.000 đồng.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 217, 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc NĐ và anh Phan Minh BĐ.

[2] Về nuôi con chung: chị Lê Thị Ngọc NĐ được trực tiếp nuôi con tên Phan Minh NC, sinh ngày 01/11/2018 hiện do chị NĐ trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Phan Minh BĐ cấp dưỡng nuôi cháu NC mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu NC tròn 18 tuổi với hình thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần bắt đầu từ tháng 8/2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các bên, cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: anh Phan Minh BĐ và chị Lê Thị Ngọc NĐ khai không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Lê Thị Ngọc NĐ phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0012161 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Buộc anh Phan Minh BĐ phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn có quyền kháng cảo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKS ND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã TTB (Số 113, ngày20/12/2017) ;
- Lưu HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lăng